TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Đạt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Mai Thị Huyền Trang
2. Ông Phạm Ngọc Minh
- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Phạm Quang Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* **Ông Lê Muộn** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/202022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXX-ST ngày 07-9-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21-9-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Thu Y, sinh năm 1988** (có mặt)
Bị đơn: **Ông Nguyễn Ngọc D , sinh năm 1985** (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu Y trình bày:

Bà Trần Thị Thu Y ông Nguyễn Ngọc D chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng tìm hiểu hơn 02 năm rồi quyết định kết hôn, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 12-2021 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân là do ông Nguyễn Ngọc D thường xuyên uống rượu bia say xỉn, bà Y có góp ý thì ông D to tiếng, chửi mắng, đập phá đồ đạc trong gia đình; thường xuyên ghen tuông vô cớ; đánh đập bà Y nhiều lần; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4-2022 cho đến nay, mạnh ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Đến thời điểm hôm nay bà Y không còn tình cảm yêu thương ông D nữa, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Nguyễn Ngọc D , bà Y đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh 03-8-200; Nguyễn Ngọc Anh Kh, sinh ngày 20-02-200 và Nguyễn Ngọc Anh K, sinh 14-4-201; hiện nay các con đang ở với bà Y. Nếu ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà Y làm thuê, hàng tháng bình quân khoảng 08 đến 09 triệu đồng, đủ khả năng nuôi con.

Ông D làm thợ hồ hàng tháng thu nhập bình quân bao nhiêu bà Y không rõ.

Về tài sản và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Thị Thu Y chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N vào ngày 25-12-2006.

Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi hạnh phúc, đến ngày 03-6-2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ thường xuyên đi chơi cùng bạn bè, ông D có góp ý thì bà Y cãi lại, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn với nhau; thỉnh thoảng ông D nhậu rượu bia do làm thợ xây dựng nên có uống bia rượu để giải mỏi mệt; bà Y nói nặng lời với ông D, xúc phạm ông D nên tôi có bực tức to tiếng với bà Y, đập phá đồ đạc trong nhà; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6-2022 đến nay. Ông D có đến trực tiếp năn nỉ bà Y tại nhà mẹ vợ, ông D hứa khắc phúc mâu thuẫn, tôn trọng bà Y, cố gắng thay đổi để sống vì vợ con; Ông D vẫn còn yêu thương vợ, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Y, ông D xin đoàn tụ; Ông D mong Tòa án cho thêm thời gian để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh 03-8-200; Nguyễn Ngọc Anh Kh, sinh ngày 20-02-200 và Nguyễn Ngọc Anh K, sinh 14-4-201; hiện nay các con đang ở với bà Y. Nếu ly hôn các con ở với ai thì người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay ông D đang làm thợ xây, hàng tháng thu nhập bình quân khoản 11 đến 12 triệu đồng, đủ khả năng nuôi con.

Bà Y làm thuê thu nhập bao nhiêu tôi không rõ.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bà Trần Thị Thu Y có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký và của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Trần Thị Thu Y, ông Nguyễn Ngọc D, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Y được

ly hôn ông Nguyễn Ngọc D .

Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh 03-8-200; Nguyễn Ngọc Anh Kh, sinh ngày 20-02-200 và Nguyễn Ngọc Anh K, sinh 14-4-201 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc D không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Ngọc D, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Ngọc D có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã P, huyện N; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thu Y và ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển 01, ngày 25-12-2006; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Ngọc D, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do ông Nguyễn Ngọc D thường xuyên chửi mắng, xúc phạm, không tôn trọng bà Y, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6-2022 đến nay.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Bà Trần Thị Thu Y và ông Nguyễn Ngọc D có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D xúc phạm, to tiếng, chửi mắng bà Y, ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu bia, say xỉn, vợ chồng xa cách từ tháng 06-2022 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc D: Quá trình giải quyết vụ án, ông D không đồng ý ly hôn, vì ông còn tình cảm yêu thương bà Trần Thị Thu Y, tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc D không có chứng cứ, tài liệu để chứng minh đã khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Từ những chứng cứ nên trên, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng bà Trần Thị Thu Y và ông Nguyễn Ngọc D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Thị Thu Y và ông Nguyễn Ngọc D có 03 người con chung. Ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh 03-8-200; Nguyễn Ngọc Anh Kh, sinh ngày 20-02-200 và Nguyễn Ngọc Anh K, sinh 14-4-201, không yêu cầu ông D cấp D ỡng.

Ông D trình bày các con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Trần Thị Thu Y, ông Nguyễn Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị Thu Y là người trực tiếp chăm sóc các con từ nhỏ đến nay, thời gian ông D và bà Y xa cách các con đều sống chung với mẹ, nên bà Trần Thị Thu Y có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng con chung; đồng thời 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh 03-8-200; Nguyễn Ngọc Anh Kh, sinh ngày 20-02-200 và Nguyễn Ngọc Anh K, sinh 14-4-201 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Trần Thị Thu Y, do đó phải tôn trọng ý kiến của các con chung là có căn cứ. Vì vậy nên giao 03 con chung cho bà Trần Thị Thu Y được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc D không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không yêu cầu, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu Y. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thu Y và ông Nguyễn Ngọc D.

2. Về con chung:

Giao 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh 03-8-200; Nguyễn Ngọc Anh Kh, sinh ngày 20-02-200 và Nguyễn Ngọc Anh K, sinh 14-4-201 cho bà Trần Thị Thu Y được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc D không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Bà Trần Thị Thu Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002554, ngày 03-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị Thu Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P ;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Đạt